

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

VÕ NỮ HẠNH NHÂN

TÍNH GIÁ THÀNH PHỤC VỤ QUẢN TRỊ CHI PHÍ
SẢN XUẤT TẠI SƠN TRÀ RESORT & SPA
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TRÀ

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Công Phương**

Phản biện 1: PGS.TS. HOÀNG TÙNG

Phản biện 2: GS.TS. ĐẶNG THỊ LOAN

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị Kinh doanh hợp tại Đại học Đà Nẵng ngày 06 tháng 10 năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Doanh nghiệp có tồn tại hay không phụ thuộc vào việc kinh doanh có mang lại lợi nhuận hay không? Một nhân tố quan trọng có ảnh hưởng quyết định đến lợi nhuận của doanh nghiệp là chi phí nói chung và giá thành nói riêng. Doanh nghiệp cần quản trị tốt chi phí sản xuất, bao gồm cả công tác tính toán giá thành sản phẩm, dịch vụ. Chi phí là chỉ tiêu chất lượng quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Do đó, công tác quản trị chi phí sản xuất là một khâu quan trọng đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về kết quả hoạt động sản xuất, đáp ứng nhu cầu việc ra quyết định quản trị.

Cũng như nhiều doanh nghiệp khác, quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành thực sự cần thiết và quan trọng đối với công ty kinh doanh du lịch như Công ty cổ phần Sơn Trà. Do đặc thù ngành kinh doanh du lịch cạnh tranh rất gay gắt, việc khách sạn nào kiểm soát được chi phí, hạ thấp giá thành thì sẽ quyết định phần lớn thành công của khách sạn đó. Công ty cổ phần Sơn Trà đã đi vào hoạt động hơn 4 năm. Tuy vậy hệ thống quản trị chi phí sản xuất nói chung và tính giá thành nói riêng được vận dụng còn chưa đầy đủ, còn một số bất cập. Cụ thể:

- Một số nội dung chi phí chưa phân loại đúng theo chức năng. Từ đó, giá thành dịch vụ chưa phản ánh đúng chi phí sản xuất phát sinh.

- Đối tượng tập hợp chi phí chưa cụ thể cho từng dịch vụ, bộ phận nên việc kiểm soát chi phí gặp nhiều khó khăn.

- Công ty tính giá theo phương pháp truyền thống (tính giá thành theo phương pháp toàn bộ). Tính giá thành theo phương pháp

toàn bộ chưa đáp ứng được yêu cầu tăng cường quản trị chi phí của doanh nghiệp.

Ngoài những vấn đề trên, hiện vẫn chưa có một nghiên cứu nào đánh giá phương pháp tính giá thành nhằm cung cấp thông tin cho quản trị chi phí thực hiện ở Công ty. Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, việc nghiên cứu phương pháp tính giá thành phục vụ quản trị chi phí tại Công ty cổ phần Sơn Trà là thật sự cần thiết. Qua đó hoàn thiện tính giá thành có thể áp dụng cho Công ty nhằm nâng cao hiệu quả quản trị chi phí tại Công ty.

2. Mục đích nghiên cứu

- Tìm hiểu, đánh giá phương pháp, quy trình tính giá thành ở Công ty; qua đó nhận diện những tồn tại về mặt cung cấp thông tin cho quản trị chi phí sản xuất ở Công ty.

- Hoàn thiện quy trình và phương pháp tính giá có thể áp dụng cho Công ty nhằm nâng cao hiệu quả quản trị chi phí.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là nội dung tính giá thành trong doanh nghiệp dịch vụ.

Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian, luận văn nghiên cứu tại Công ty cổ phần Sơn Trà.
- Về thời gian, số liệu, dữ liệu minh họa trong nghiên cứu này được thu thập theo số liệu trong 6 tháng đầu năm 2013 tại Công ty.

4. Phương pháp nghiên cứu

Cách tiếp cận: Luận văn sử dụng cách tiếp cận khảo sát thực tế một số trường hợp.

Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp gồm mô tả, giải thích và suy luận logic.

Phương pháp mô tả được vận dụng để tổng hợp, trình bày thực

trạng tình hình quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty cổ phần Sơn Trà.

Phương pháp giải thích được vận dụng để giải thích thực trạng trên cơ sở lý thuyết nhằm nhận diện những ưu điểm, tồn tại về tính giá thành phục vụ quản trị chi phí tại Công ty.

Phương pháp suy luận logic được áp dụng để hoàn thiện, xây dựng phương pháp tính giá thành thích hợp và nâng cao hiệu quả quản trị chi phí sản xuất tại Công ty.

Cách thức thu thập số liệu: Số liệu thứ cấp được thu thập thông qua việc tiếp cận thông tin, dữ liệu của phòng kế toán tài chính tại Công ty.

5. Ý nghĩa thực hiện đề tài

Đề tài nghiên cứu với mong muốn giúp Công ty hoàn thiện công tác tính giá thành nhằm cung cấp nhiều thông tin cho kiểm soát chi phí, giúp tăng cường quản trị chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh ở Công ty.

6. Tổng quan tài liệu

Nghiên cứu về chủ đề kế toán chi phí và tính giá thành nhằm phục vụ quản trị chi phí tại các doanh nghiệp được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu, vì đây là một chủ đề truyền thống. Đối với vấn đề này, không chỉ trong luận văn mà còn nhiều bài báo, tạp chí kế toán cũng đề cập đến.

Đầu tiên có thể kể đến là nghiên cứu trong lĩnh vực dịch vụ vận tải biển của Trần Thị Phương Linh (2012) về kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng. Trong nghiên cứu này tác giả đã đề cập đến thực trạng quản trị chi phí bao gồm tính giá thành tại doanh nghiệp, tác giả đã chỉ ra được các nhược điểm hiện tại đối với công tác quản trị chi phí và tính giá thành.

Trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ hàng không, nghiên cứu của Trýõng Thị Trinh Nũ (2011) với đề tài “Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng” đã phân tích thực trạng tính giá thành tại công ty theo phýõng pháp trực tiếp từ đó hoàn thiện phýõng pháp này nhằm cung cấp nhiều thông tin hơn cho việc ra quyết định.

Ngoài các luận văn đýõc đề cập trên, các tạp chí cũng trình bày quan điểm cũng nhý các vấn đề xoay quanh các phýõng pháp tính giá thành phục vụ quản trị chi phí. Trong đó có bài viết đýõc đăng trên tạp chí kế toán của tác giả Hoàng Tùng (2012) với đề tài “Quản trị chi phí hoạt động của doanh nghiệp theo phýõng pháp chi phí mục tiêu”. Bài viết cung cấp các kiến thức hữu ích cho những doanh nghiệp có định hướng hiện đại hóa trong tổ chức quản trị chi phí.

Bài viết của Trần Thị Kim Xuyén, Trần Bích Nga (2013) với đề tài “Tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp viễn thông di động ở Việt Nam” cũng bàn luận đến việc tính giá thành đem đến nhiều thông tin hữu ích cho việc quản trị chi phí. Qua đó đem đến những cái nhìn mới hơn về giá thành dịch vụ nói riêng và quản trị chi phí nói chung

Từ những nhận xét hữu ích từ các bài viết, tác giả nhận thấy các bài viết chủ yếu tập trung vào đánh giá và hoàn thiện công tác quản trị chi phí mà chýa đi sâu vào phân tích và hoàn thiện phýõng pháp tính giá thành nhằm cung cấp thông tin cho quản trị chi phí. Để làm rõ hơn điều này, tác giả đã tiến hành nghiên cứu phýõng pháp tính giá thành phục vụ quản trị chi phí tại Công ty cổ phần Sơn Trà. Tác giả hy vọng sẽ giúp Công ty có những cái nhìn mới hơn về quản trị chi phí, cũng nhý tính giá thành từ đó có thể nâng cao hiệu quả quản trị chi phí tại Công ty.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ TÍNH GIÁ THÀNH PHỤC VỤ QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. VAI TRÒ CỦA GIÁ THÀNH DỊCH VỤ ĐỐI VỚI QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT

1.1.1. Đặc điểm quản trị chi phí sản xuất

Quản trị chi phí sản xuất là phương pháp, cách thức của nhà quản lí trong hoạch định kế hoạch dài hạn, ngắn hạn và những quyết định mang tính chất quản lí để vừa làm tăng giá trị đồng thời giảm giá thành sản phẩm, dịch vụ. [1, tr10]

Theo tác giả Nguyễn Văn Hải [3, tr65], quản trị chi phí trong doanh nghiệp dịch vụ bao gồm bốn chức năng:

- a) *Lập kế hoạch chi phí*
- b) *Tổ chức thực hiện chi phí cung cấp dịch vụ*
- c) *Ghi chép và phản ánh vào sổ sách kế toán các khoản chi phí phát sinh trong thực hiện*
- d) *Phân tích đánh giá và ra quyết định*

1.1.2. Vai trò của giá thành dịch vụ đối với quản trị chi phí sản xuất

Giá thành là một trong những công cụ quan trọng của doanh nghiệp. Vai trò của công tác giá thành thể hiện qua:

- Tính giá thành góp phần xác định giá thành dịch vụ hoàn thành qua đó là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh của từng dịch vụ, ngành hàng, từng bộ phận và toàn doanh nghiệp.

- Tính giá thành còn trợ giúp các nhà quản trị trong các nỗ lực nhằm giảm thấp chi phí cung cấp dịch vụ.

- Tính giá thành là cơ sở để các nhà quản trị xây dựng một chính sách giá bán hợp lý, có tính cạnh tranh và là cơ sở cho nhiều quyết định tác nghiệp khác.

1.2. TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ PHỤC VỤ QUẢN TRỊ CHI PHÍ

1.2.1. Đối tượng, phương pháp tập hợp chi phí cung cấp dịch vụ

a) Đối tượng tập hợp chi phí cung cấp dịch vụ

Đối tượng tập hợp chi phí là phạm vi được xác định để tập hợp chi phí.

b) Phương pháp tập hợp chi phí cung cấp dịch vụ

Phương pháp tập hợp trực tiếp

Phương pháp tập hợp gián tiếp

1.2.2. Quy trình tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành

a) Tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ theo phương pháp toàn bộ

Quy trình tập hợp chi phí cung cấp dịch vụ:

- Tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp toàn bộ cần quan tâm đến tính trực tiếp hay gián tiếp của chi phí.

- Tập hợp CP NVL TT bao gồm các loại nguyên vật liệu trực tiếp góp phần tạo nên một dịch vụ và được tập hợp và theo dõi trực tiếp cho mỗi đối tượng chi phí.

- Tập hợp CP NCTT tiếp bao gồm chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của NCTT cung cấp dịch vụ.

- Tập hợp CP SXC bao gồm những chi phí phát sinh như: chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí dụng cụ, bảo dưỡng thiết bị,...

Tổng hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ:

- Toàn bộ chi phí tham gia vào sản xuất dịch vụ được tập hợp trên phiếu chi phí công việc vào cuối tháng.

- Giá thành đơn vị dịch vụ cuối tháng được xác định như sau:

Giá thành đơn vị DV= Σ giá thành DV/ số ngày (giờ) cung cấp DV.

b) Tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ theo phương pháp trực tiếp

Giá thành dịch vụ hoàn thành bao gồm ba loại: chi phí NVL TT, chi phí NCTT và biến phí SXC.

Trình tự tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ theo phương pháp trực tiếp như sau:

- Xác định đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành.
- Chi phí sản xuất khi phát sinh cần phân loại theo cách ứng xử chi phí.

Giá thành đơn vị dịch vụ được tính như sau:

Tổng giá thành DV = CPSX DDĐK + Tổng CP SX SP-CP SX DDCK

Giá thành DV đơn vị = $\frac{\text{Tổng giá thành DV}}{\text{số ngày (giờ) cung cấp DV}}$

c) Tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ theo phương pháp chi phí mục tiêu

Theo tác giả Trương Bá Thanh và Nguyễn Công Phương [6, tr4], phương pháp chi phí mục tiêu được bắt đầu bằng việc ước tính giá bán của sản phẩm. Giá bán ước tính dựa vào công dụng và thuộc tính của sản phẩm, các đối thủ cạnh tranh trên thị trường. Trên cơ sở lợi nhuận mong đợi, doanh nghiệp phải xác định chi phí sản xuất và tiêu thụ có thể chấp nhận để tiến hành sản xuất sản phẩm. Chi phí mục tiêu được xác lập dựa vào chi phí có thể chấp nhận và chi phí ước tính theo các điều kiện sản xuất hiện có của doanh nghiệp.

Ba giai đoạn thực hiện phương pháp chi phí mục tiêu:

- Xác định chi phí mục tiêu theo các bộ phận dịch vụ sản xuất.
- Tổ chức thực hiện các mục tiêu chi phí đã xác định.
- Đánh giá kết quả.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Nội dung Chương 1 của luận văn đi sâu nghiên cứu bản chất, vai trò của quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp. Trên cơ sở đó luận văn đã nhận định tính giá thành là một phần quan trọng trong công tác quản trị chi phí. Thông qua phân lý thuyết, luận văn đã trình bày được vai trò của công tác tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, luận văn cũng khái quát các phương pháp tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm nhằm tăng cường kiểm soát chi phí và phân tích thông tin phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản trị.

Đây là những tiền đề làm cơ sở cho việc nghiên cứu thực trạng công tác tính giá thành cũng như định hướng nhằm đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác tính giá thành phục vụ quản trị chi phí tại Công ty.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TÍNH GIÁ THÀNH PHỤC VỤ QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CP SƠN TRÀ

2.1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CP SƠN TRÀ

2.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

a) Giới thiệu về Công ty CP Sơn Trà

b) Về quy trình cung cấp dịch vụ:

c) Đặc điểm sản phẩm dịch vụ:

Về dịch vụ lưu trú:

Dịch vụ lưu trú dường như là sự phối hợp của tất cả các bộ phận phục vụ. Bộ phận Buồng phòng có nhiệm vụ làm cho các villa sạch đẹp, kiểm tra các loại đặt phòng cần thiết phải đầy đủ như hoa tươi, trái cây,...kiểm tra các hư hỏng mất mát khi khách trả

phòng,...Bộ phận Lễ tân có nhiệm vụ kiểm tra lại toàn bộ hệ thống villa, giải quyết các sự cố xảy ra, làm các thủ tục đón và tiễn khách,...Bếp và nhà hàng có nhiệm vụ cập nhật số lượng khách ở hàng ngày để lên kế hoạch nguyên vật liệu phục vụ ăn sáng.

Về dịch vụ nhà hàng:

DV nhà hàng là sự phối hợp giữa hai bộ phận Bếp và Nhà hàng. Bộ phận Nhà hàng ngoài nhiệm vụ pha chế các thức uống còn nhận yêu cầu của khách về các món ăn và chuyển xuống bộ phận Bếp. Bộ phận Bếp ngoài việc chế biến các món ăn cho khách còn phải lên kế hoạch dự trữ thực phẩm, vật liệu để tránh tình trạng thiếu hụt.

Về dịch vụ Spa:

Nhà Spa được đặt cuối dãy villa, đến đây khách được thư giãn trong những bản nhạc du dương, được tận hưởng cảm giác tuyệt vời với các sản phẩm spa như mát-xa chân, mát-xa toàn thân, mát-xa cá,...được đắp các hương liệu cao cấp, đắp bùn, xông hơi,...

Về dịch vụ giặt ủi:

Tuy chiếm tỷ lệ doanh thu thấp hơn các dịch vụ khác, nhưng dịch vụ giặt ủi cũng không kém phần quan trọng, áo quần của khách luôn được giặt ủi trắng sạch.

2.1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý

a) Tổ chức bộ máy quản lý

b) Đặc điểm tổ chức kế toán

2.2. ĐẶC ĐIỂM QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ YÊU CẦU THÔNG TIN GIÁ THÀNH PHỤC VỤ QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CP SƠN TRÀ

2.2.1. Lập kế hoạch chi phí và yêu cầu thông tin giá thành phục vụ kế hoạch chi phí tại Công ty

Kế hoạch chi phí tại Công ty được lập trên cơ sở đánh giá tình

hình thực hiện kế hoạch chi phí kỳ trước cùng với các định mức tiêu hao nguyên vật liệu, định mức tiền lương, tình hình biến động thị trường,...

2.2.2. Tổ chức thực hiện chi phí và yêu cầu thông tin giá thành tại Công ty

Việc tổ chức thực hiện các dịch vụ phục vụ khách được tiến hành theo các dịch vụ, theo các bộ phận. Chi phí chi ra dựa vào định mức và khối lượng dịch vụ yêu cầu.

2.2.3. Phân tích đánh giá, ra quyết định và yêu cầu thông tin giá thành tại Công ty

Công ty tiến hành phân tích chi phí nhưng chỉ chú trọng công tác phân tích trên báo cáo tài chính, theo các khoản mục chi phí.

2.3. TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY

2.3.1. Đối tượng, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

a) Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Đối tượng tập hợp chi phí tại Công ty là từng dịch vụ: dịch vụ lưu trú, dịch vụ nhà hàng, dịch vụ Spa, dịch vụ giặt ủi.

b) Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

Công ty áp dụng phương pháp tập hợp trực tiếp kết hợp phương pháp tập hợp gián tiếp.

2.3.2. Quy trình tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành

a) Tập hợp chi phí NVL trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp liên quan trực tiếp đến từng dịch vụ thì được tập hợp cho từng dịch vụ.

Bảng 2.7. Bảng theo dõi chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của các dịch vụ tháng 04/2013 tại Công ty

Chi tiêu	DV I ưu trú	DV Nhà hàng	DV Spa	DV giặt ủi
Dầu gội, xà phòng	35.250	0	15.123	2.316.531
Trái cây, hoa	4.244.200	26.235.232	1.500.201	0
Nước chai Aquafina	2.136.300	4.321.000	523.130	206.903
Các loại thực phẩm	0	46.140.000	0	0
.....				
Tổng cộng	6.380.500	56.696.232	1.515.324	2.523.434

b) Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty cũng được tập hợp trực tiếp cho từng dịch vụ.

Bảng 2.8: Bảng theo dõi chi phí nhân công trực tiếp của các dịch vụ tháng 04/2014 tại Công ty

Chi tiêu	DV lưu trú	DV Nhà hàng	DV Spa	DV giặt ủi
Lương theo ngày công	52.642.100	39.231.163	27.856.300	16.901.230
Lương tăng ca	7.620.300	4.360.100	2.563.000	-
BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	12.457.600	6.845.721	3.452.614	1.683.560
Các khoản phúc lợi	4.836.778	3.783.092	2.484.286	1.864.600
Tổng cộng	77.556.778	54.220.076	36.356.200	20.449.390

c) Tập hợp chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung được tập hợp theo từng dịch vụ hoặc tập hợp chung. Hàng tháng, kế toán theo dõi phát sinh chi phí này thành hai thẻ chi phí, một thẻ là chi phí tập hợp trực tiếp cho từng dịch vụ, một thẻ là chi phí liên quan đến nhiều dịch vụ được theo dõi

riêng để cuối tháng phân bổ cho các dịch vụ.

Bảng 2.9: Bảng theo dõi chi phí sản xuất chung tập hợp trực tiếp cho các dịch vụ tháng 04/2013 tại Công ty

Chỉ tiêu	DV lưu trú	DV Nhà hàng	DV Spa	DV giặt ủi
Khấu hao	126.466.917	8.112.333	2.324.193	1.264.080
Sửa chữa, bảo trì máy móc	1.806.670	1.622.467	464.839	722.331
Chi phí công cụ, dụng cụ	36.133.405	3.244.933	929.677	361.166
Chi phí khác	16.260.032	3.244.933	929.677	127.450
Tổng cộng	180.667.024	16.224.667	4.648.387	2.475.027

- Chi phí sản xuất chung tại Công ty được phân bổ theo chỉ tiêu doanh thu phát sinh trong tháng của từng dịch vụ.

Bảng 2.11: Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung cho các dịch vụ tháng 04/2013 tại Công ty

Chỉ tiêu	DV lưu trú	DV Nhà hàng	DV Spa	DV giặt ủi	Tổng
Tỷ lệ doanh thu (%)	58,18	29,25	8,55	4,02	100
Điện sinh hoạt	71.264.287	35.828.126	10.472.837	4.924.071	122.489.321
Nước sinh hoạt	4.297.989	2.160.814	631.623	296.973	7.387.399
Điện thoại	4.181.962	2.102.482	614.572	288.956	7.187.972
Phí vệ sinh	1.396.320	702.000	205.200	96.480	2.400.000
Khấu hao	12.430.778	6.249.575	1.826.799	858.916	21.366.067
Chi phí khác	12.337.455	6.202.656	1.813.084	852.468	21.205.663
Tổng	105.908.848	53.245.682	15.564.123	7.317.868	182.036.421

d) Tính giá thành dịch vụ

Do đặc thù các dịch vụ ở Công ty nên khối lượng dịch vụ đang làm dở thường không có hoặc nếu có thì mức độ không đáng kể nên Công ty không đánh giá dịch vụ dở dang.

Bảng 2.12: Tổng hợp chi phí và tính giá thành tháng 04/2013
tại Công ty

Chỉ tiêu	DV lưu trú	DV nhà hàng	DV Spa	DV giặt ủi	Tổng
Tổng [1]	482.385.176	275.913.287	61.590.943	34.695.115	854.584.521
CP NVL TT	79.356.015	179.859.270	12.082.763	9.321.702	280.619.750
CP NC TT	77.556.778	54.220.076	36.356.200	20.449.390	188.582.444
CP SXC	325.472.383	41.833.941	13.151.980	4.924.023	385.382.327
CP SXC TT	180.667.024	16.224.667	4.648.387	1.805.828	203.345.906
CP SXC phân bổ	144.805.359	25.609.275	8.503.593	3.118.195	182.036.422
Giá thành DV/ ngày đêm([1]/30)	16.079.506	9.197.110	2.053.031	1.156.504	

Thông qua các bảng báo cáo chi tiết về chi phí, báo cáo giá thành của từng dịch vụ góp phần phục vụ cho quá trình theo dõi, phản ánh chi phí phát sinh theo từng dịch vụ của ban giám đốc.

2.4. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH ĐÁP ỨNG QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY

2.4.1. Đối tượng tập hợp chi phí

Ưu điểm: Đối tượng tập hợp chi phí theo từng dịch vụ đáp ứng một phần thông tin trợ giúp cho nhà quản trị nội bộ trong việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch và kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

Tồn tại: Với việc lựa chọn đối tượng như vậy, Ban giám đốc hầu như không có được thông tin về chi phí cho từng bộ phận tham gia thực hiện các dịch vụ. Do vậy, hiện tại Công ty vẫn còn gặp nhiều bất cập trong việc đánh giá và kiểm soát chi phí tại mỗi bộ phận.

2.4.2. Quy trình tập hợp chi phí

Ưu điểm:

Thứ nhất, về tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí NVL TT được tập hợp và theo dõi riêng cho từng dịch vụ, giúp cho ban giám đốc kiểm soát chặt chẽ hơn nguồn nguyên vật liệu sản xuất.

Thứ hai, về tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

Cách tập hợp chi phí NCTT theo từng dịch vụ bảo đảm chi phí sản xuất và giá thành dịch vụ được tính phù hợp với đối tượng chi phí. Khi đó, thông tin chi phí cung cấp cho ban giám đốc hợp lý hơn và góp phần hữu ích cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh.

Thứ ba, về tập hợp chi phí sản xuất chung

Với việc tập hợp chi phí sản xuất chi tiết cho từng nội dung chi phí như trên đã giúp cho ban giám đốc biết được tỷ trọng của từng loại chi phí trong tổng số chi phí sản xuất chung, do đó kiểm tra được việc sử dụng tiết kiệm hay lãng phí về từng nội dung chi phí.

Tồn tại:

Thứ nhất, về tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Định mức chi phí Công ty không điều chỉnh kịp thời, dẫn đến những đánh giá sai lệch về việc sử dụng nguyên liệu .

- Một số nguyên vật liệu tập hợp chưa đúng đối tượng chi phí.

Thứ hai, về tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

Ban giám đốc hầu như không có thông tin chi phí nhân công theo bộ phận, nên không thể đánh giá được hiệu quả của các bộ phận cũng như cơ cấu lao động tại các bộ phận.

Thứ ba, về tập hợp chi phí sản xuất chung

- Đối với các dịch vụ mua ngoài như tiền điện, tiền nước, điện thoại, Công ty hạch toán khoản chi phí này vào chi phí sản xuất

chung là chưa phù hợp với nội dung, tính chất của chi phí.

- Tiêu thức phân bổ chi phí sản xuất chung là không hợp lý vì chỉ tiêu doanh thu không liên quan trực tiếp đến chi phí sản xuất chung, cho nên việc tính giá thành cũng từ đó không chính xác, nên các thông tin cung cấp cho quản trị chi phí cũng bị sai lệch.

2.4.3. Tính giá thành

Ưu điểm

Phương pháp tính giá thành ở Công ty là phương pháp toàn bộ, đây là phương pháp đơn giản và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành dịch vụ. Phương pháp và đối tượng này đã đáp ứng cơ bản yêu cầu quản trị chi phí.

Tồn tại:

Công ty vẫn chưa vận dụng phương pháp tính giá thành hiện đại nhằm tăng cường cung cấp nhiều thông tin cho quản trị chi phí, chẳng hạn tính giá thành theo phương pháp mục tiêu.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Sau khi nghiên cứu thực trạng công tác quản trị chi phí tại Công ty, đồng thời tìm hiểu thực trạng tính giá thành tại Công ty, tác giả đã trình bày được những nội dung cơ bản sau:

Đặc điểm quản trị chi phí tại Công ty được thể hiện rõ qua việc lập kế hoạch chi phí sản xuất, quá trình tổ chức thực hiện, phản ánh chi phí sản xuất và quá trình phân tích, kiểm soát chi phí sản xuất.

Mô tả đánh giá thực trạng chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị chi phí sản xuất tại Công ty.

Chỉ ra ưu, nhược điểm của công tác tính giá thành sản phẩm.

Qua phân tích, đánh giá thực trạng công tác tính giá thành

phục vụ quản trị chi phí tại Công ty, tác giả đã nhận định được những tồn tại trong công tác tính giá thành. Đây chính là cơ sở làm tiền đề cho việc đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác tính giá thành nhằm mục đích phục vụ quản trị chi phí sản xuất tại Công ty.

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ THÀNH PHỤC VỤ QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TRÀ

3.1. TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ YÊU CẦU THÔNG TIN GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TRÀ

3.1.1. Lập kế hoạch chi phí

Để các khoản chi phí kế hoạch sát với thực tế công ty cần phải:

- Tổ chức triển khai, thực hiện việc lập kế hoạch sản xuất và chi phí đều đặn hàng năm, đồng thời trên cơ sở kế hoạch cả năm có thể triển khai thành kế hoạch của từng quý và từng tháng.

- Tổ chức xây dựng định mức đối với chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung để làm cơ sở xây dựng kế hoạch chi tiết về chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

- Thường xuyên xem xét, kiểm tra lại các định mức tiêu hao nguyên vật liệu xem đã sát với thực tế chưa để kịp thời điều chỉnh lại cho phù hợp.

- Công ty cần nghiên cứu, dự báo biến động của giá cả nguyên vật liệu đầu vào.

3.1.2. Tổ chức thực hiện chi phí

Công ty cần tổ chức quản lý việc thực hiện chi phí sản xuất nhằm bảo đảm tuân theo kế hoạch đã đề ra. Cụ thể:

- Công ty cần tổ chức bổ sung chức năng phân tích đánh giá của quản trị chi phí.

- Tăng cường các biện pháp quản lý chi phí trong sản xuất và tuyên truyền việc chấp hành tốt các nội quy, quy chế đảm bảo tiết kiệm chi phí, hạn chế tiêu hao nguyên liệu.

- Xây dựng phương án trả lương cho người lao động gắn liền với năng suất và hiệu quả sản xuất nhằm phát huy tính sáng tạo, tự giác, tiết kiệm trong sản xuất.

3.1.3. Phân tích đánh giá và ra quyết định

Phân tích, đánh giá cơ cấu chi phí là một nội dung quan trọng để đánh giá tính hiệu quả trong việc sử dụng chi phí của Công ty. Việc tính toán tỷ trọng của từng loại chi phí trong tổng chi phí sản xuất giúp đánh giá được tầm quan trọng của từng loại chi phí, từ đó có phương hướng sử dụng hợp lý.

3.2. HOÀN THIỆN PHƯƠNG PHÁP, NỘI DUNG TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY CP SƠN TRÀ

3.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí

Chi phí của từng dịch vụ cần được tập hợp chi tiết hơn theo từng bộ phận tham gia thực hiện dịch vụ .

Tập hợp chi phí theo từng bộ phận giúp quá trình thực hiện chi phí được kiểm soát tốt hơn, qua đó đánh giá được hiệu quả chi phí của mỗi bộ phận sản xuất.

3.2.2. Quy trình tập hợp chi phí và tính giá thành

Tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Công ty cần tiến hành tách chi phí của mỗi DV tập hợp cho các bộ phận từ đó có thể tính được chi phí phát sinh tại các bộ phận. Từ cách phân chia chi phí như trên, kế toán sẽ tính được chi phí nguyên vật liệu cụ thể cho mỗi bộ phận. Ban giám đốc sẽ có thêm

thông tin về việc sử dụng chi phí nguyên vật liệu tại các bộ phận, có thể phân tích và đánh giá hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại các bộ phận này.

Ngoài ra, nguyên vật liệu dùng cho dịch vụ nào cần được xác định đúng và tập hợp về dịch vụ đó như: chi phí nước uống, trái cây đặt phòng, nguyên vật liệu dùng cho chế biến ăn sáng trước đây tập hợp vào dịch vụ nhà hàng thì nay cần phải tách riêng để tập hợp cho dịch vụ lưu trú,...

Việc tập hợp chi phí vào đúng đối tượng dịch vụ sẽ giúp cho việc tính giá thành dịch vụ có tính chính xác cao hơn.

Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

Công ty cần quan tâm đến cách trả lương sao cho tiền lương phát huy được vai trò đòn bẩy kinh tế, kích thích sản xuất.

Cũng như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp của từng dịch vụ nên được tách ra và tập hợp theo bộ phận. Với thông tin này, ban giám đốc sẽ dễ dàng đánh giá cơ cấu lao động, trình độ lao động,... tại mỗi bộ phận, mỗi dịch vụ từ đó có những quyết định về tuyển dụng hay cắt giảm nhân sự nhằm tiết kiệm tối đa khoản chi phí này nhưng lại đem đến năng suất lao động.

Tập hợp chi phí sản xuất chung

Đối với tiền điện, tiền nước, điện thoại Công ty nên theo dõi và hạch toán riêng vào chi phí SXC và chi phí QLDN, có như vậy giá thành sản phẩm mới đảm bảo tin cậy.

Về phân bổ chi phí sản xuất chung: các chi phí chung liên quan đến nhiều dịch vụ thì nên phân bổ theo tiêu thức chi phí nhân công trực tiếp của từng dịch vụ vì đây là chi phí chính trong ngành dịch vụ, nó liên quan mật thiết với tất cả các loại chi phí khác.

Chi phí sản xuất chung của các dịch vụ cũng cần được tách ra

theo dõi theo mỗi bộ phận

Bảng 3.3 Bảng tập hợp chi phí SX theo dịch vụ và bộ phận

Chỉ tiêu		CP NVL TT	CP NC TT	CP SXC	Tổng
DV lưu trú	BP Lễ tân	23,806,805	46,534,067	81,368,096	151,708,967
	BP Buồng phòng	47,613,609	23,267,033	195,283,430	266,164,072
	BP Bellman	7,935,602	7,755,678	48,820,857	64,512,137
Tổng CP DV lưu trú		79,356,015	77,556,778	325,472,383	482,385,176
DV nhà hàng	BP Bếp	125,901,489	32,532,046	25,100,365	183,533,899
	BP Nhà hàng	53,957,781	21,688,030	16,733,576	92,379,388
Tổng CP DV nhà hàng		179,859,270	54,220,076	41,833,941	275,913,287
DV Spa	BP Spa	12,082,763	36,356,200	13,151,980	61,590,943
DV giặt ủi	BP giặt ủi	9,321,702	20,449,390	4,924,023	34,695,115
Tổng		280,619,750	188,582,444	385,382,327	854,584,521

3.2.3. Vận dụng phương pháp tính giá mục tiêu nhằm cung cấp thêm thông tin cho quản trị chi phí tại Công ty

Để kiểm soát tốt chi phí ở từng dịch vụ, từng bộ phận tham gia thực hiện dịch vụ, cần phải có cơ chế kiểm soát chi phí chặt chẽ sao cho các chi phí luôn nằm trong giới hạn cho phép để Công ty đạt được lợi nhuận kế hoạch. Phương pháp chi phí mục tiêu có thể là một công cụ hữu ích cho quản trị chi phí nhằm đạt được lợi nhuận mục tiêu

a) Quy trình thực hiện phương pháp tính giá mục tiêu

- Ước tính giá bán của DV và xác định lợi nhuận mong đợi.
- Tính toán chi phí mục tiêu :

$$\text{Chi phí mục tiêu} = \text{Giá bán ước tính} - \text{lợi nhuận mong đợi}$$

- Xác định giá thành mục tiêu :

Giá thành mục tiêu = Chi phí mục tiêu – (Chi phí BH ước tính + chi phí QLDN ước tính + chi phí lãi vay ước tính)

b) Vận dụng phương pháp tính giá mục tiêu tại Công ty

Ước tính giá bán của Công ty năm 2013:

Đối với dịch vụ lưu trú: giá bán ước tính trong một ngày đêm được căn cứ vào giá bán bình quân cho 1 villa/ ngày đêm và công suất phòng ước tính.

Đối với dịch vụ nhà hàng, dịch vụ Spa, dịch vụ giặt ủi: giá bán ước tính cho năm 2013 được căn cứ vào doanh thu bình quân của các dịch vụ qua 3 năm 2010, 2011, 2012.

Xác định lợi nhuận mong muốn của Công ty năm 2013: căn cứ mục tiêu của Công ty là tăng trưởng 20% lợi nhuận hàng năm, và căn cứ vào lợi nhuận bình quân của 3 năm 2010, 2011, 2012.

Xác định chi phí mục tiêu của các dịch vụ:

Chi phí mục tiêu của dịch vụ/ ngày đêm = Giá bán ước tính/ngày đêm - Lợi nhuận mong muốn/ ngày đêm

Ước tính chi phí BH, chi phí QLDN, chi phí lãi vay năm 2013: lấy chi phí BH, chi phí QLDN, chi phí lãi vay bình quân 3 năm 2010, 2011, 2012 làm chi phí ước tính cho năm 2013 và tỷ lệ doanh thu bình quân 3 năm để tách các chi phí này cho từng dịch vụ.

Xác định giá thành mục tiêu của các dịch vụ:

Giá thành mục tiêu của DV/ ngày đêm = Chi phí mục tiêu của DV/ ngày đêm - CPBH ước tính DV/ngày đêm - CPQLDN ước tính của DV/ngày đêm - chi phí lãi vay ước tính của DV/ngày đêm.

Bảng 3.4: Bảng tính giá thành mục tiêu các dịch vụ năm 2013

STT	Chi tiêu	DV Lưu trú	DV nhà hàng	DV Spa	DV Giặt ủi	Tổng
1	Doanh thu bình quân 3 năm 2010, 2011, 2012	8.880.943.607	4.769.634.772	1.538.132.134	657.865.465	15.846.575.978
2	Tỷ lệ doanh thu bình quân [\sum DT bq/ DT bq DV]	0,56	0,30	0,10	0,04	1
3	Lợi nhuận bình quân 3 năm 2010, 2011, 2012	2.208.015.230	646.359.016	420.848.990	129.017.227	3.404.240.463
4	Lợi nhuận mong đợi năm 2013 [(3)+(3) *20%]	2.649.618.276	775.630.819	505.018.788	154.820.672	4.085.088.555
5	Lợi nhuận mong đợi/ ngày đêm [(4)/365]	7.259.228	2.125.016	1.383.613	424.166	11.192.023
6	Giá bán bq ước tính (đồng/villa/ ngày đêm)	3.157.500	-	-	-	
7	Công suất phòng bq (villa/ ngày)	10,80	-	-	-	
8	Giá bán phòng ước tính /ngày đêm[(6) x(7)]	34.101.000				
9	Giá bán DV khác ước tính /ngày đêm [(1)/365]		13.067.493	4.214.061	1.802.371	
10	Chi phí mục tiêu DV lưu trú/ ngày đêm [(8)- (5)]	26.841.772				
11	Chi phí mục tiêu các DV khác/ ngày đêm [(9)- (5)]		10.942.477	2.830.448	1.378.205	15.151.129
12	Chi phí BH ước tính năm 2013 [\sum CP BHbq*(2)]	441.526.649	237.128.052	76.470.064	32.706.562	787.831.327

STT	Chi tiêu	DV Lưu trú	DV nhà hàng	DV Spa	DV Giặt ủi	Tổng
13	Chi phí QLDN ước tính năm 2013[\sum CP QLDN $bq^*(2)$]	1.150.943.402	618.130.225	199.337.267	85.257.372	2.053.668.266
14	Chi phí lãi vay ước tính năm 2013[\sum CP lãi vay $bq^*(2)$]	910.082.645	488.772.592	157.621.467	67.415.352	1.623.892.056
15	Chi phí bán hàng ước tính /1 ngày đêm [(12)/365]	1.209.662	649.666	209.507	89.607	2.158.442
16	Chi phí QLDN ước tính /1 ngày đêm [(13)/365]	3.153.270	1.693.507	546.129	233.582	5.626.488
17	Chi phí lãi vay ước tính /1 ngày đêm [(14)/365]	2.493.377	1.339.103	431.840	184.700	4.449.019
18	Giá thành mục tiêu/ 1 ngày đêm DV lưu trú [(10)-(15)-(16)-(17)]	19.985.463				
19	Giá thành mục tiêu/ 1 ngày đêm DV khác [(11)-(15)-(16)-(17)]		7.260.200	1.642.971	870.316	

Sau khi tính được giá thành mục tiêu cho các dịch vụ, muốn phân bổ chi phí cho các bộ phận thì Công ty cần thực hiện việc chấm điểm quan trọng cho các bộ phận đó. Điểm quan trọng chính là đánh giá mức độ tham gia thực hiện chi phí cho mỗi dịch vụ của các bộ phận. Thang điểm dùng để đánh giá là 10.

Bảng 3.5: Phân bổ giá thành mục tiêu cho các bộ phận

STT	Chỉ tiêu	Điểm quan trọng	Giá thành mục tiêu/ ngày đêm
1	DV lưu trú	10	19.985.463
1.1	BP Lễ tân	3,5	6.994.912
1.2	BP Buồng phòng	2,5	4.996.366
1.3	BP Bellman	0,5	999.273
1.4	B Bếp	1,2	2.398.256
1.5	BP Nhà hàng	1,2	2.398.256
1.6	BP giặt ủi	1,1	2.198.401
2	DV nhà hàng	10	7.260.200
2.1	BP bếp	4	2.904.080
2.2	BP nhà hàng	6	4.356.120
3	DV Spa	10	1.642.971
3.1	BP Spa	6	985.783
3.2	B Bếp	1	164.297
3.3	BP Nhà hàng	1	164.297
3.4	BP Buồng phòng	1	164.297
3.5	BP giặt ủi	1	164.297
4	DV giặt ủi	10	870.316
	BP giặt ủi	10	870.316

c) Đánh giá việc thực hiện tính giá thành mục tiêu

Trong quá trình thực hiện cần phát hiện những thành phần chi phí quá cao và quá thấp so với chi phí mục tiêu đã đề ra.

Cần có những biện pháp quản lý nghiêm ngặt nhằm giảm chi phí ở nơi chi phí quá cao, hoặc tìm hiểu nguyên nhân nếu chi phí quá thấp có thể do dịch vụ cung cấp không đảm bảo hay không.

Chi phí thực tế đạt đến chi phí mục tiêu cần xem xét lại cách tính chi phí mục tiêu đã chính xác chưa hoặc xem lại các bước trong giai đoạn sản xuất để giảm chi phí.

KẾT LUẬN

Vai trò của quản trị chi phí ngày càng được khẳng định và nó được xem là một trong những công cụ hữu hiệu nhất cho quản lý nội bộ doanh nghiệp. Để thực hiện tốt công việc quản lý, từ khâu lập kế hoạch bao gồm việc xác định mục tiêu của doanh nghiệp cũng như xác định các phương tiện để đạt được mục tiêu đó, đến việc kiểm tra, phân tích và ra quyết định, các nhà quản trị phải cần đến rất nhiều thông tin. Tuy nhiên, trong đó, thông tin về tiềm lực và tổ chức nội bộ của doanh nghiệp do kế toán quản trị cung cấp là một bộ phận quan trọng nhất, quyết định chất lượng của công tác quản lý.

Xét về phương diện kế toán, thông tin chủ yếu nhất mà kế toán quản trị xử lý và cung cấp cho các nhà quản trị là thông tin về chi phí. Trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí thường xuyên phát sinh trong nội bộ doanh nghiệp, chịu sự chi phối chủ quan của nhà quản trị, do vậy, kiểm soát và quản lý tốt chi phí là mối quan tâm hàng đầu của họ.

Qua bài nghiên cứu này, tác giả hy vọng đem đến một cái nhìn mới cho Ban quản trị của Công ty cổ phần Sơn Trà về công tác quản trị chi phí. Bằng việc hoàn thiện công tác quản trị chi phí và tính giá thành, cũng như xây dựng lại phương pháp tính giá thành mới phục vụ quản trị chi phí, tác giả đã thay đổi phần lớn cách quản trị chi phí sản xuất tại Công ty, cung cấp thêm cho Ban giám đốc nhiều thông tin chi phí quan trọng để đánh giá và ra quyết định.